**NGƯỜI TRÍ THỨC YÊU NƯỚC**

**TIẾNG VIỆT**

**-- 85+86 --**

**ÔN TẬP VỀ CÂU HỎI KHI NÀO? MỞ RỘNG**

**VỐN TỪ VỀ NGHỀ NGHIỆP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Đọc thành tiếng trôi chảy câu chuyện. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần dễ lẫn trong bài (rừng rậm, suối sâu, va li, nấm, pê-ni-xê-lin, sốt rét); ngắt nghỉ hơi đúng; bước đầu biết thể hiện tình cảm, cảm xúc qua giọng đọc.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài (trí thức, nấm pê-ni-xê-lin, gây, khổ công, nghiên cứu). Hiểu ý nghĩa của bài đọc: Ca ngợi tấm gương yêu nước, tinh thần làm việc hết mình và lòng dũng cảm của bác sĩ Đặng Văn Ngữ.

- Nhận biết các từ ngữ chỉ thời gian (trả lời cho câu hỏi Khi nào?) trong bài đọc.

- Biết thêm vốn từ ngữ về nghề nghiệp, hoạt động của nghề nghiệp đó.

- Biết nêu nhận xét khái quát về nhân vật.

- Biết sử dụng các từ ngữ chỉ nghề nghiệp, các từ chỉ hoạt động nghề nghiệp.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm)

- NL tự chủ và tự học (biết lắng nghe, đọc bài, trả lời câu hỏi về nội dung bài, nêu được nội dung bài).

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: góp phần bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

- Phẩm chất nhân ái: biết quý trọng, biết ơn những người có công với nước.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, tích cực học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học ở bài đọc trước.  - Cách tiến hành:  + GV cho HS chơi trò chơi “Ô cửa bí mật” (Có 4 ô cửa, mỗi ô cửa có 1 phần của bức ảnh, trả lời đúng, ô cửa sẽ mở ra. Ai nhanh đoán được người trong bức ảnh sau khi mở các ô cửa là người chiến thắng)  Ô cửa 1: Người là nghề khám, chữa bệnh cho mọi người gọi là gì? (bác sĩ)  Ô cửa 2: Nghề nghiệp bác sĩ thuộc lĩnh vực lao động nào? (Lao động trí óc)  Ô cửa 3: Muỗi A-nô-phen truyền bệnh gì? (Sốt rét)  Ô cửa 4: Chúng ta vừa trải qua một đợt đại dịch gì? (Covid 19)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Bài đọc hôm nay nói về bác sĩ Đặng Văn Ngữ. Ông là một trí thức có nhiều đóng góp trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc và đã anh dũng hi sinh cho Tổ quốc. Chúng ta sẽ cùng đọc để hiểu rõ hơn về tấm lòng yêu nước và những sáng tạo của ông đóng góp cho đất nước.  **2. Hình thành kiến thức mới: (20-25’)**  **-** Mục tiêu:  - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà học sinh địa phương dễ viết sai (rừng rậm, suối sâu, va li, nấm, pê-ni-xê-lin, sốt rét,...)  - Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc độ đọc khoảng 70 tiếng/phút.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (trí thức, nấm pê-ni-xê-lin, gây, khổ công, nghiên cứu,...)  - Phát triển năng lực văn học:  + Biết bày tỏ sự yếu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.  **-** Cách tiến hành:  **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu: Đọc với giọng rõ ràng, thể hiện sự tự hào.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến *thương binh*  + Đoạn 2: Còn lại  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn. GV theo dõi sửa lỗi phát âm kịp thời cho HS.  - Luyện đọc từ khó: *rừng rậm, suối sâu, va li, nấm, pê-ni-xê-lin, sốt rét,…*  - Luyện đọc câu: Dù băng qua rừng rậm hay suối sâu,/ lúc nào ông cũng giữ bên mình chiếc va li đựng nấm pê-ni-xê-lin/ mà ông gây được từ bên Nhật.//  *-* Luyện đọc từng đoạn trong nhóm: GV tổ chức cho HS luyện đọc từng đoạn theo nhóm 2.  + Giải nghĩa một số từ: trí thức, nấm pê-ni-xê-lin, gây, khổ công, nghiên cứu,...  + Tổ chức cho một số nhóm thi đọc.  - GV nhận xét các nhóm.  - GV gọi HS đọc toàn bài.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu.**  - GV gọi HS đọc lần lượt 4 câu hỏi trong SGK. GV cho HS thảo luận nhóm 4 lần lượt trả lời các câu hỏi.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Để về nước tham gia kháng chiến, bác sĩ Đặng Văn Ngữ phải đi đường vòng như thế nào??  + Câu 2: Va li nấm pê-ni-xi-lin được ông mang về quý giá như thế nào?  Gv hỗ trợ giải thích thêm về thuốc kháng sinh.  + Câu 3: Chi tiết ông tự tiêm thử liều thuốc đầu tiên vào cơ thể mình nói lên điều gì?  + Câu 4: Bác sĩ Đặng Văn Ngữ đã có những đóng góp gì cho hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ?  - Qua bài đọc này, em có suy nghĩ gì về bác sĩ Đặng Văn Ngữ?  *=> GV chốt:* Bài đọc ca ngợi tấm gương yêu nước của bác sĩ Đặng Văn Ngữ. Ông đã bỏ lại cuộc sống đầy đủ ở Nhật Bản, về nước tham gia kháng chiến. Ông đã khổ công nghiên cứu, chế ra thuốc chữa bệnh cho chiến sĩ, đồng bào, góp phần vào thắng lợi của hai cuộc kháng chiến. | - HS nghe phổ biến luật chơi của trò chơi.  - HS tham gia chơi cá nhân bằng cách giơ tay nhanh nhất.  - HS đoán chân dung bức ảnh: Bác sĩ Đặng Văn Ngữ.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS lắng nghe, nhắc lại các đoạn.  - HS đọc nối tiếp theo đoạn, sửa lỗi phát âm theo GV.  - HS đọc từ khó (cá nhân, đồng thanh); luyện đọc các từ chỉ thời gian: năm 1949, 1967...  - 2-3 HS đọc câu theo hướng dẫn ngắt, nghỉ.  - HS luyện đọc theo nhóm 2.  - HS nghe hướng dẫn giải nghĩa, tham gia giải nghĩa từ.  - 2,3 nhóm thi đọc đoạn trước lớp.  - 2 HS đọc lại cả bài.  - HS đọc các câu hỏi, làm việc nhóm, trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Để tránh bị địch phát hiện, ông phải đi đường vòng từ Nhật Bản qua Thái Lan, sang Lào, về Nghệ An, rồi từ Nghệ An lên chiến khu Việt Bắc.  + Nhờ va li nấm này, ông đã chế được thuốc chữa cho thương binh. / Nhờ va li nấm này, ông đã chế được “nước lọc pê-ni-xi-lin” chữa cho thương binh.  + Chi tiết này cho thấy ông rất dũng cảm, dám chấp nhận rủi ro nguy hiểm để chế ra thuốc chữa bệnh cho mọi người.).  + Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông đã chế ra “nước lọc pê-ni-xi-lin” để chữa cho thương binh. /Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ông đã vào chiến trường, chế ra thuốc chống sốt rét để chữa bệnh cho chiến sĩ, đồng bào.  - 1 -2 HS nêu cảm nhận của mình về bác sĩ Đặng Văn Ngữ.  - HS nhắc lại nội dung bài. |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **(15-20’)**  - Mục tiêu:  + Nhận biết các từ ngữ chỉ thời gian được nói đến trong bài.  + Tìm thêm được các từ ngữ chỉ nghề nghiệp và hoạt động tương ứng với nghề nghiệp đó.  - Cách tiến hành:  **Bài 1/T87**  **\* Tìm từ ngữ chỉ thời gian trong các câu:**  a. Năm 1943, bác sĩ Đặng Văn Ngữ sang học ở Nhật Bản.  b. Năm 1967, lúc đã gần 60 tuổi, ông lại lên đường ra mặt trận.  c. Sau nhiều ngày khổ công nghiên cứu, ông đã chế ra thuốc chống sốt rét.  - Cho HS làm việc nhóm đôi 2 phút, báo cáo kết quả.  *=> GV nhận xét, chốt:* Các từ chỉ thời gian có thể là một thời điểm cụ thể hoặc một khoảng thời gian.  **Bài 2/T87**  **\* Tìm thêm các từ ngữ**  a. Chỉ nghề nghiệp:  b. Chỉ hoạt động nghề nghiệp:  - GV hướng dẫn HS tìm từ mẫu ở từng phần, YCHS làm việc nhóm, phát cho mỗi nhóm một số nhụy hoa, nhiều cánh hoa. Sau khi thảo luận, các nhóm sẽ ghi từ chỉ nghề nghiệp vào nhụy hoa, ghi hoạt động của nghề nghiệp đó vào cánh hoa.  - Cho HS trình bày. Nhận xét, chốt:  a) Các từ chỉ nghề nghiệp: bác sĩ, thợ may, dược sĩ, kĩ sư, kiến trúc sư, giáo sư, giáo viên, nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, hoạ sĩ, nông dân, công nhân, thợ, phi công, nhà kinh doanh,...  b) Các từ chỉ hoạt động nghề nghiệp: chữa bệnh, khám bệnh, đo huyết áp, soi mắt, chụp X quang, may áo, đo, thiết kế, nghiên cứu, chế tạo máy, thiết kế, dạy học, sáng tác, cày, bừa, sản xuất, lái máy bay, lái xe, bán hàng,..  **4. Hoạt động vận dụng: (5’)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành:  - Mỗi nghề nghiệp đều mang lại lợi ích cho cuộc sống con người, em mơ ước được làm nghề gì?  - Để đạt được ước mơ đó em cần làm gì?  - Nhận xét, tuyên dương.  **5. Củng cố, dặn dò: (3’)**  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS làm việc nhóm đôi, trình bày, nhận xét, bổ sung.  Câu a: Năm 1943;  Câu b: Năm 1967, lúc đã gần 60 tuổi;  Câu c: Sau nhiều ngày khổ công nghiên cứu.  - HS làm việc nhóm 2.  - HS dán bài lên bảng, trình bày.  - Nhận xét.  - HS đọc lại các từ.  - HS liên hệ, trả lời  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**Điều chỉnh sau bài dạy:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................